

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2017/DS-ST
Ngày: 25-8-2017
V/v tranh chấp kiện đòi tiền

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đức Mạnh

Ông Đỗ Quang Gia

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thẩm tra viên của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2016/TLST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2016 về tranh chấp kiện đòi tiền theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 374/2017/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH A Việt Nam, trụ sở: Số 732 đường TL, phường VN, quận LC, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện theo pháp luật:

1. Ông Hoàng Trọng B- Chủ tịch Công ty, nơi cư trú: Số 37 ngõ 444 K, phường B, quận TH, Hà Nội, vắng mặt tại phiên tòa;

2. Ông TH-Tổng Giám đốc, nơi cư trú: Số 163, đường Nguyễn ĐC, phường CD, quận LC, thành phố Hải Phòng, vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Bá S, sinh năm 1979; nơi cư trú: Tầng 4, số 33 Giang Văn M, quận BD, thành phố Hà Nội (theo văn bản ủy quyền số 77, 78 ngày 27/5/2016), có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông ML, sinh năm 1958, nơi cư trú: Số 17 Harrington Avenue, North Balwyn, Melbourne Victoria 3104 Australia, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các biên bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 10-4-2008, ông ML ký hợp đồng lao động với Agape Holdings PTE LTD (gọi tắt là Agape Singapore) để thực hiện nhiệm vụ quản lý Công ty TNHH A Việt Nam (gọi tắt là A Việt Nam) với chức danh chủ tịch kiêm Tổng giám đốc A Việt Nam. Do tin tưởng ông ML nên Agape Singapore không thường xuyên kiểm tra giám sát các hoạt động của ông ML trong việc quản lý A Việt Nam. Do ông ML không thể quản lý và triển khai các dự án đầu tư xây dựng tại A Việt Nam nên ngày 17-11-2015 Agape Singapore chấm dứt hợp đồng lao động với ông ML và kiểm tra tài chính của A Việt Nam thì phát hiện được trong thời gian quản lý từ năm 2008 đến năm 2015 ông ML đã chiếm dụng trái phép tài sản của Công ty số tiền là 34.185.407.142 đồng (*Ba mươi tư tỷ một trăm tám mươi lăm triệu bốn trăm linh bảy nghìn một trăm bốn mươi hai đồng*). Cụ thể:

1. Ông ML đã rút tiền từ tài khoản của A Việt Nam tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế - Phòng giao dịch Lê Chân (sau đây gọi tắt là VIB) và Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (sau đây gọi tắt là Techcombank) nhưng không cung cấp được chứng từ chứng minh chi phí phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của A Việt Nam.

1.1. Cụ thể các lần rút tiền như sau:

- Ngày 17 tháng 10 năm 2013: Rút tiền mặt từ tài khoản tiền gửi Ngân hàng Techcombank: 1.700.000.000 đồng (*Một tỷ bảy trăm triệu đồng*);

- Ngày 23 tháng 10 năm 2013: Rút tiền mặt từ tài khoản tiền gửi Ngân hàng Techcombank: 635.000.000 đồng (*Sáu trăm ba mươi lăm triệu đồng*);

- Ngày 23 tháng 10 năm 2013: Rút tiền mặt từ tài khoản tiền gửi Ngân hàng Techcombank: 2.117.000.000 đồng (*Hai tỷ một trăm mười bảy triệu đồng*);

- Ngày 24 tháng 10 năm 2013: Rút tiền mặt từ tài khoản tiền gửi Ngân hàng VIB: 10.000.000.000 đồng (*Mười tỷ đồng*);

- Ngày 26 tháng 10 năm 2013: Rút tiền mặt từ tài khoản tiền gửi Ngân hàng VIB: 5.000.000.000 đồng (*Năm tỷ đồng*);

- Ngày 31 tháng 10 năm 2013: Rút tiền mặt từ tài khoản tiền gửi Ngân hàng VIB: 5.400.000.000 đồng (*Năm tỷ bốn trăm triệu đồng*);

- Ngày 19 tháng 11 năm 2013: Rút tiền mặt từ tài khoản tiền gửi Ngân hàng VIB: 425.000.000 đồng (*Bốn trăm hai mươi lăm triệu đồng*);

- Ngày 10 tháng 02 năm 2014: Rút tiền từ tài khoản Ngân hàng Techcombank: 445.000.000.000 đồng (*Bốn trăm bốn mươi lăm triệu đồng*);

1.2. Các lần nhập tiền như sau:

- Ngày 24 tháng 10 năm 2013: Tạm nhập quỹ tiền mặt rút từ Ngân hàng 13.600.000 đồng (*Mười ba triệu sáu trăm nghìn đồng*);

- Ngày 06 tháng 11 năm 2013: nộp tiền hoàn ứng là 259.300.000 đồng (*Hai trăm năm mươi chín triệu ba trăm nghìn đồng*), do bà Phạm Thị Thúy nộp hộ.

Như vậy, tổng số tiền ông ML đã rút tại Ngân hàng tổng cộng là 25.722.000.000 (*Hai mươi lăm tỷ bảy trăm hai mươi hai triệu đồng*), ông ML đã nộp vào tài khoản của A Việt Nam là 272.900.000đồng (*Hai trăm bảy mươi hai triệu chín trăm nghìn đồng*). Như vậy, ông ML còn phải trả lại cho A Việt Nam số tiền là: 25.449.100.000đồng (*Hai mươi lăm tỷ bốn trăm bốn mươi chín triệu một trăm nghìn đồng*).

2. Trong báo cáo tài chính Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long sau khi tiến hành rà soát báo cáo tài chính từ ngày 16-4-2008 đến ngày 31-12-2014, số hàng dư tồn kho là 5.817.667.142đồng (*Năm tỷ tám trăm mười bảy triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm bốn mươi hai đồng*), trong đó bao gồm chi phí công cụ, dụng cụ là giàn giáo, que hàn và chi phí lưu kho, bãi. Tuy nhiên, theo Báo cáo tài chính, tại thời điểm rà soát ngày 27-11-2015 không có sự tồn tại của giàn giáo và que hàn ở kho của A Việt Nam. Ông ML với vai trò là Tổng Giám đốc của Công ty phải chịu trách nhiệm về sự thất thoát này.

3. Ông ML đã nhận 2.918.640.000đồng (*Hai tỷ chín trăm mười tám triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*) từ Công ty Cổ phần hợp nhất toàn cầu Savina là Công ty đối tác của A Việt Nam theo hợp đồng số BNH12006/SAVINA-AGAPE ký ngày 12-11-2012 và hợp đồng số BNH13001/SAVINA-AGAPE ký ngày 02-02-2013 nhưng không nhập vào tài sản của A Việt Nam. Vì vậy, ông ML phải có trách nhiệm hoàn trả số tiền nói trên.

Tổng cộng, A Việt Nam yêu cầu ông ML phải trả là 34.185.407.142 đồng (*Ba mươi tư tỷ một trăm tám mươi lăm triệu bốn trăm linh bảy nghìn một trăm bốn mươi hai đồng*). Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại cho A Việt Nam do việc chiếm dụng tài sản của ông ML, ngày 17-02-2017 A Việt Nam đã có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện này.

* *Đối với bị đơn là ông ML*, Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp cho Cơ quan có thẩm quyền của Australia nhưng đến nay vẫn chưa có kết quả.

Tại phiên tòa:

* *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:* Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông ML phải trả cho A Việt Nam số tiền là 34.185.407.142 đồng (*Ba mươi tư tỷ một trăm tám mươi lăm triệu bốn trăm linh bảy nghìn một trăm bốn mươi hai đồng*) là tiền mà ông ML đã chiếm dụng trái phép của A Việt Nam, không yêu cầu ông ML bồi thường thiệt hại cho A Việt Nam do việc chiếm dụng tài sản trái phép. Lý do để khởi kiện là sau khi chấm dứt hợp đồng lao động với ông ML, cả A Việt Nam và ông ML đã mời Công ty TNHH Kiểm toán để soát xét báo cáo tài chính, đã thống nhất số liệu như trong bảng tổng hợp kết quả soát xét báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 16-4-2008 đến ngày 31-12-2014.

* *Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm, Thư ký cơ bản đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự đã thực hiện đúng

các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

1. Yêu cầu bị đơn hoàn trả 25.449.100.000 đồng đã rút từ tài khoản của Công ty ở Ngân hàng Techcombank và VIB trong hai năm 2013, 2014.

Căn cứ vào tài liệu là phiếu báo nợ của Ngân hàng Techcombank và VIB, căn cứ vào Bảng tổng hợp kết quả soát xét báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 16-4-2008 đến 31-12-2014 (do Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long-Chi Nhánh Miền Bắc lập) và Báo cáo tài chính (đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Vạn An - Chi nhánh Hà Nội) cho năm tài chính kết thúc ngày 31-12-2015 cũng như Công văn do Ngân hàng Techcombank và VIB cung cấp có căn cứ xác định tổng số tiền của ông ML đã rút tiền mặt từ tài khoản của A Việt Nam là 25.449.100.000 đồng.

Tuy nhiên, tại Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2015, A Việt Nam có khoản phải trả khác cho ông ML là 369.379.109 đồng (bao gồm phải trả ngắn hạn là 305.673.750 và dài hạn là 63.705.359 đồng) nên cần xem xét đối trừ hai khoản này. Như vậy, tổng cộng nợ còn phải thu đối với ông ML là 25.079.720.891 đồng.

2. Yêu cầu bị đơn hoàn trả 5.817.667.142 đồng bao gồm chi phí công cụ dụng cụ giàn giáo 5.624.084.097 đồng, que hàn 6.850.000 đồng và chi phí lưu kho bãi: 186.733.045 đồng.

Đối với chi phí lưu kho bãi: A Việt Nam không cung cấp được chứng từ thể hiện ông ML đã nhận và sử dụng khoản tiền này. Việc hoạch toán không đúng nghiệp vụ kế toán không làm mất đi khoản tiền này của Công ty, có thể khắc phục cân đối hoạch toán lại cho đúng quy định. Do vậy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu buộc bị đơn trả số tiền chi phí lưu kho bãi 186.733.045 đồng.

Công cụ dụng cụ giàn giáo và que hàn bị thất lạc, không hiện hữu có căn cứ để buộc bị đơn phải hoàn trả bằng giá trị là 5.630.934.097 đồng.

3. Yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền 2.918.640.000 đồng đã nhận từ Công ty Cổ phần hợp nhất toàn cầu Savina là công ty đối tác của A Việt Nam.

Căn cứ vào Công văn của Công ty Cổ phần hợp nhất toàn cầu Savina thì Công ty đã chuyển số tiền nêu trên cho A Việt Nam bằng tiền mặt và giao trực tiếp cho ông ML nhưng ông ML chưa giao nộp, chưa trả cho A Việt Nam nên A Việt Nam kiện đòi số tiền 2.918.640.000 đồng là có căn cứ.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại cho A Việt Nam do việc chiếm dụng tài sản Công ty của ông ML, ngày 17-2-2017, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã rút phần yêu cầu này nên cần quyết định đình chỉ giải quyết.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn là ông ML hoàn trả cho A Việt Nam 33.629.294.988 đồng (*Ba mươi ba tỷ sáu trăm hai mươi chín triệu hai trăm chín mươi tư nghìn chín trăm tám mươi tám đồng*).

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại cho A Việt Nam do việc chiếm dụng tài sản Công ty của ông ML.

Nguyên đơn phải chịu án phí tương ứng với phần yêu cầu kiện đòi không được chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí tương ứng với phần yêu cầu kiện đòi của nguyên đơn được chấp. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Đây là tranh chấp kiện đòi tiền, vụ án có đương sự là người nước ngoài. Theo khoản 14 Điều 26, khoản 3 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2]. *Về sự vắng mặt của bị đơn*: Sau khi thụ lý, Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp cho Cơ quan có thẩm quyền của Australia để tổng đạt thông báo thụ lý, lấy lời khai của ông ML, thông báo thời gian tiến hành phiên họp tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải, thời gian mở phiên tòa cho ông ML. Ủy thác tư pháp hợp lệ đã được Bộ Tư pháp Việt Nam gửi cho Cơ quan có thẩm quyền của Australia nhưng đến nay vẫn không có kết quả ủy thác tư pháp. Ngày 16-5-2017, do chưa nhận được văn bản thông báo kết quả tổng đạt cũng như lời khai, tài liệu chứng cứ của ông ML nên Tòa án đã Quyết định hoãn phiên tòa và có Công văn đề nghị Bộ Tư pháp thông báo về kết quả ủy thác tư pháp. Ngày 19-6-2017, Bộ Tư pháp đã có Công văn số 2006/BTP-PLQT thông báo đã gửi bộ ngoại giao yêu cầu thực hiện ủy thác tư pháp đối với ông ML nhưng đến nay vẫn chưa nhận được kết quả. Căn cứ khoản 4, điểm b khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông ML.

[3]. *Xét yêu cầu đòi số tiền 25.449.100.000 đồng do ông ML đã rút tiền từ tài khoản của A Việt Nam ở Ngân hàng Techcombank và VIB*.

A Việt Nam đã xuất trình được 08 phiếu báo nợ của Ngân hàng để chứng minh ông ML đã rút từ tài khoản của A Việt Nam tại hai Ngân hàng Techcombank và VIB và 02 hóa đơn nhập quỹ tiền mặt vào tài khoản của A Việt Nam. Đối trừ số tiền ông ML đã rút và số tiền ông ML nhập thì ông ML đã rút của A Việt Nam 25.449.100.000 đồng. Xét:

- Các phiếu báo nợ của Ngân hàng do A Việt Nam cung cấp đều thể hiện ông ML là người trực tiếp rút tiền.

- Tại Bảng tổng hợp kết quả soát xét báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 16-4-2008 đến 31-12-2014 và Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính

kết thúc ngày 31-12-2015 đều thể hiện số dư các khoản phải thu khác đối với ông ML là 25.449.100.000 đồng.

- Tại biên bản cung cấp thông tin ngày 18-7-2017 của Ngân hàng VIB và Công văn số 0712/TCB ngày 04-7-2017 của Ngân hàng Techcombank đều xác định ông ML là người trực tiếp rút tiền từ tài khoản của A Việt Nam và tổng số tiền ông ML rút từ hai Ngân hàng là 25.449.100.000 đồng.

Như vậy có căn cứ xác định ông ML đã rút tiền từ tài khoản của A Việt Nam ở Ngân hàng Techcombank và VIB là 25.449.100.000 đồng.

[4]. Xét yêu cầu đòi số tiền 5.817.667.142 đồng do ông ML làm thất thoát tài sản là công cụ dụng cụ giàn giáo, que hàn của A Việt Nam.

Tại mục công tác kiểm kê hàng tồn kho của Bảng tổng hợp kết quả soát xét báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 16-4-2008 đến 31-12-2014 (do Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long- Chi nhánh Miền Bắc lập) thể hiện số dư hàng tồn kho trên sổ sách là 5.817.667.142 đồng (bao gồm chi phí giàn giáo là 5.624.084.097 đồng, chi phí que hàn là 6.850.000 đồng và chi phí lưu kho bãi là 186.733.045 đồng), tuy nhiên tại thời điểm kiểm kê số hàng trên không có trong kho.

- Đối với chi phí công cụ dụng cụ giàn giáo, que hàn là 5.630.934.097 đồng: Do ông ML trong thời gian làm Tổng Giám đốc không ban hành quy chế nội bộ dẫn đến không kiểm soát và làm mất mát số lượng giàn giáo, que hàn trên. Do vậy, căn cứ điểm d, h khoản 2 Điều 70 của Luật Doanh nghiệp năm 2005 ông ML phải chịu trách nhiệm về việc để mất số tài sản nêu trên.

- Đối với chi phí lưu kho bãi là 186.733.045 đồng: Kết quả kiểm toán xác định chi phí này được ghi nhận không đúng tài khoản, đây là sai sót trong ghi nhận kế toán nên chỉ cần cân đối hạch toán lại. Việc ghi nhận không đúng tài khoản thì cũng không làm mất đi khoản tiền này. Do vậy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu buộc ông ML phải trả cho A Việt Nam chi phí lưu kho bãi là 186.733.045 đồng.

[5]. Xét yêu cầu đòi số tiền 2.918.640.000 đồng ông ML nhận từ Công ty Cổ phần Hợp nhất Toàn cầu Savina.

- Đối với số tiền này Công ty đã cung cấp tài liệu để chứng minh đó là phiếu chi ngày 31-01-2013 với số tiền là 2.718.640.000 đồng và phiếu chi ngày 28-12-2013 với số tiền là 200.000.000 đồng của Công ty Cổ phần Hợp nhất Toàn cầu Savina. Cả hai phiếu chi này đều có chữ ký của ông ML dưới phần người nhận tiền.

- Tại Công văn ngày 28-6-2016 của Công ty Cổ phần Hợp nhất Toàn cầu Savina cũng đã xác định hai khoản tiền trên là khoản tiền mà Công ty Công ty Cổ phần Hợp nhất Toàn cầu Savina nộp cho A Việt Nam theo Hợp đồng số BHN12006/SAVINA-AGAPE ký ngày 12-11-2012 và Hợp đồng số BHN13001/SAVINA-AGAPE ký ngày 02-02-2013 giữa Công ty Cổ phần Hợp nhất Toàn cầu Savina và A Việt Nam và số tiền trên Công ty Cổ phần Hợp nhất Toàn cầu Savina chuyển cho A Việt Nam bằng hình thức giao tiền mặt và ông ML là người trực tiếp nhận.

- Tại mục đối chiếu công nợ giữa A Việt Nam và Công ty Cổ phần Hợp nhất Toàn cầu Savina thể hiện: Năm 2013, ông ML đã nhận 2.918.640.000 đồng của Công ty Cổ phần Hợp nhất Toàn cầu Savina nhưng không chuyển lại cho A Việt Nam, không thông báo cho Phòng Kế toán, dẫn đến chênh lệch khi xác nhận công nợ.

Như vậy yêu cầu ông ML phải trả số tiền này của A Việt Nam là có căn cứ.

[6]. Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại do việc chiếm dụng tài sản : Ngày 10-3-2017, và tại phiên tòa , đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã rút yêu cầu nên đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

[7]. Tuy nhiên, tại phần V12, Mục thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31-12-2015 thể hiện khoản A Việt Nam phải trả cho ông ML là 369.379.109 đồng (bao gồm trả ngắn hạn là 305.673.750 đồng và trả dài hạn là 63.705.359 đồng). Do vậy, cần xem xét đối trừ cho ông ML.

Từ phân tích trên, có đủ căn cứ xác định trong thời gian làm Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc tại A Việt Nam, ông ML đã chiếm dụng của A Việt Nam tổng số tiền 33.629.968.674.097 đồng (bao gồm số tiền ông ML rút từ tài khoản của A Việt Nam tại Ngân hàng là 25.449.100.000 đồng + chi phí gián giáo và que hàn bị mất là 5.630.934.097 đồng + số tiền ông ML nhận từ Công ty Cổ phần hợp nhất toàn cầu Savina là 2.918.640.000 đồng). Đối trừ với khoản A Việt Nam phải trả cho ông ML là 369.379.109 đồng thì ông ML phải trả cho A Việt Nam số tiền là 33.629.294.988 đồng.

Như vậy, cần áp dụng Điều 256 của Bộ luật dân sự 2005 (tương ứng với Điều 166 của Bộ luật dân sự 2015) chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[8]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 12 về án phí, lệ phí Tòa án, A Việt Nam phải chịu án phí tương ứng với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận, ông ML phải chịu án phí tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận.

[9]. Về phí ủy thác tư pháp: Ông ML phải chịu chi phí dịch thuật và ủy thác tư pháp để tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án. Số tiền này A Việt Nam đã tạm ứng, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của A Việt Nam không yêu cầu ông ML phải hoàn trả, do vậy chấp nhận sự tự nguyện của A Việt Nam.

[10]. Về quyền kháng cáo của các đương sự: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm c khoản 1 Điều 40; Điều 147; Điều 217; Điều 218; Điều 266; Điều 273; điểm đ khoản 1 Điều

469; khoản 4, điểm c khoản 5 Điều 477; khoản 3 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 256; Điều 280; Điều 281 của Bộ luật Dân sự năm 2005 (trùng với các Điều 166; Điều 274; Điều 275 của Bộ luật dân sự 2015);

Áp dụng điểm d, h khoản 2 Điều 70 của Luật Doanh nghiệp năm 2005;

Căn cứ khoản 4 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 12 về án phí, lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc ông ML phải hoàn trả cho Công ty TNHH A Việt Nam tổng số tiền 33.629.294.988 đồng (Ba mươi ba tỷ, sáu trăm hai mươi chín triệu, hai trăm chín mươi tư nghìn, chín trăm tám mươi tám đồng).

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại cho Công ty TNHH A Việt Nam do việc chiếm dụng tài sản Công ty của ông ML.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty TNHH A Việt Nam phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 26.244.486 đồng (*Hai mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm tám mươi sáu đồng*). Nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 71.092.700 đồng (*Bảy mươi một triệu, không trăm chín mươi hai nghìn, bảy trăm đồng*) theo biên lai số 0003564 ngày 22-7-2016 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Hoàn trả cho Công ty TNHH A Việt Nam số tiền chênh lệch là 44.848.214 đồng (*Bốn mươi bốn triệu, tám trăm bốn mươi tám nghìn, hai trăm mười bốn đồng*).

- Ông ML phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 141.629.294 đồng (*Một trăm bốn mươi một triệu, sáu trăm hai mươi chín nghìn hai trăm chín tư đồng*).

4. Về phí ủy thác tư pháp: Sung công quỹ nhà nước phí ủy thác tư pháp 150.000 (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) do Công ty TNHH A Việt Nam đã nộp theo biên lai số 0008487 ngày 23-8-2016 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

5. Về quyền kháng cáo của đương sự:

- Công ty TNHH A Việt Nam được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Ông ML được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Đối với khoản tiền phải thi hành án nói trên sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Đường sự;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thu Hương

